TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2023/DS-ST
Ngày: 09-8-2023
"V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự"
(giữa NH TMCP SG Thương Tín và bà Hoa)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư;

2. Bà Đặng Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bé Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Ngân hàng)**; trụ sở: Số B, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc (Giấy chứng nhận ĐKDN Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 41, ngày 26/12/2022, Quyết định số: 3979/2022/QĐ-NS ngày 30/6/2022);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn T - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh V (Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 12/5/2023 và Quyết định số: 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 và Quyết định số: 1777/2023/QĐ-QTNNL ngày 05/5/2023);

Ông Lê Văn T ủy quyền lại cho: Ông Lê Tuấn K - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh V (Giấy ủy quyền số: 101/2023/GUQ-CNVL ngày 11/5/2023) và ông Nguyễn Phú Q - Chuyên viên Quản lý nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Chi nhánh V (Giấy ủy quyền số: 111/2023/GUQ-CNVL ngày 11/5/2023); địa chỉ: Số C, Đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà **Hồ Xuân H**, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số B, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 24/3/2023 và các tài liệu chứng cứ có tại hồ vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Phú Q trình bày:

Ngày 07/12/2015, Ngân hàng có ký với bà Hồ Xuân H Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng) số thẻ là 356480−3325 với bà Hồ Xuân H. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đồng; thời hạn sử dụng thẻ đến tháng 5/2024; lãi suất tại thời điểm mở thẻ là 2,5%/tháng (lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ của Ngân hàng); lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn (lãi quá hạn là 3,75%/tháng); mục đích tiêu dùng cá nhân; hình thức trả lãi mỗi tháng vào ngày cuối cùng của tháng; mỗi tháng trả nợ gốc 05%/tổng số tiền vay cuối kỳ. Để thực hiện hợp đồng bà H có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận vào ngày 31 dương lịch hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 31/12/2015.

Trong quá trình thực hiện giao dịch được thể hiện chi tiết trên bảng sao kê quá hạn thẻ, thứ tự thanh toán thẻ tín dụng căn cứ theo Điều 22 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 30/06/2022, Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn tính từ ngày 30/6/2022; đến ngày 14/7/2023 bà H tiếp tục trả nợ vay là 18.110.000đồng (mười tám triệu một trăm mười nghìn đồng), tính đến ngày 09/8/2023, bà H còn phải thanh toán cho Ngân hàng là 8.896.175đồng; Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn Phú Q yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà H trả là 8.896.175đồng (trong đó: Tiền gốc 0đồng, tiền lãi quá hạn 8.896.175đồng);

Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Thẻ tín dụng số 356480−3325, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng bà H vắng mặt không có lý do, dù được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn không tham gia và không tiến hành hòa giải được với nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Q đại diện cho Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt; trong đơn ông Q yêu cầu bà H trả nợ cho Ngân hàng, kèm theo bảng sao kê nợ quá hạn thẻ đến ngày xét xử, nguyên đơn yêu cầu bà H trả 8.896.175đồng (trong đó: Tiền gốc 0đồng, tiền lãi quá hạn 8.896.175đồng); bà H vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai không có lý do.

Đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ lãi 8.896.175đồng, bà H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định đây là Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; bà

H trú tại số B, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long;

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[2.1] Về tiền gốc: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số thẻ 356480–3325 được ký giữa Ngân hàng và bà H, gắn liền địa chỉ số B, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, hợp đồng thể hiện thẻ phát hành số tiền 15.000.000đồng là có thật; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho bà H biết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà H vẫn vắng mặt; bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng, chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp. Đến ngày xét xử bà H đã trả hết nợ gốc, nên Hội đồng xét xử không xem xét nợ gốc là có căn cứ;

[2.2] Về tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng hai bên có thỏa thuận lãi suất, xét thấy sự thỏa thuận mức lãi của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự mà được điều chỉnh theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), hai bên thỏa thuận lãi suất là tự nguyện nên căn cứ các Điều 91, 95, 98 và Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 về việc Hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà H trả tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 30/6/202 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2023) theo mức lãi thỏa thuận tại Hợp đồng là 8.896.175đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 22 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[3] Về án phí: Ngân hàng yêu cầu bà H trả 8.896.175đồng, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu (05% của giá trị tranh chấp) là 445.000đồng; hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các Điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Buộc bà Hồ Xuân H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là 8.896.175đồng (trong đó: Nợ gốc 0đồng; nợ lãi quá hạn 8.896.175đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Hồ Xuân H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 445.000đồng (bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng);

2.2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 610.000 đồng (sáu trăm mười nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số N^{0} 0002062 ngày 09/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Kim Yến